

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HS-ST
Ngày 09-8-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Tuấn Vĩnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lam

Ông Lăng Đức Quang

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Chung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng, Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 33/2021/TLST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 7 năm 2021 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử vụ án hình sự số 04/2021/TB - TA ngày 30/7/2021 đối với các bị cáo:

Phạm Thanh T, sinh ngày 23 tháng 4 năm 1983 tại huyện T, tỉnh Nam Định. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã L, huyện B, tỉnh Hà Giang, nơi cư trú: Tổ M, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; số chứng minh nhân dân: 073467329, cấp ngày 10/12/2013, nơi cấp Công an tỉnh Hà Giang; con ông Phạm Quốc P, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1969; có vợ là Trần Thị T2, sinh năm 1987; có 02 con: Con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị bắt giữ ngày 02/01/2021, hiện đang bị tạm giam; có mặt.

Vũ Văn T1, sinh ngày 09 tháng 10 năm 1995 tại huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Nơi cư trú: Bến D, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; vợ con: Không, tiền án: Ngày 06/09/2019 bị TAND thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang xử phạt 18 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy đến ngày 13/06/2020 chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 27/9/2013 bị TAND huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang xử phạt

30 tháng tù về tội Cướp tài sản (đã được xóa án tích), ngày 13/01/2021 bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang khởi tố về hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản xảy ra ngày 21/09/2020; bị bắt giữ ngày 02/01/2021, hiện đang bị tạm giam; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Vũ Văn T1:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1985 là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Anh Đào Tuấn H, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn T, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt có lý do.

+ Bà Nguyễn Thúy P, sinh năm 1957; nơi cư trú: Tổ 10, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt có lý do.

- *Người làm chứng:*

+ Chị La Thị H, sinh năm 1987; vắng mặt có lý do.

+ Chị Lò Thị Xuân T3, sinh năm 1999; vắng mặt có lý do.

+ Anh Hoàng Văn S, sinh năm 1996; vắng mặt có lý do.

+ Anh Phụng Chòi V, sinh năm 1987; vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 12/2019, Đào Tuấn H ký hợp đồng thuê nhà nghỉ X của bà Nguyễn Thúy P chủ nhà nghỉ để làm nhà ở và kinh doanh dịch vụ lưu trú. Sau khi ký kết hợp đồng, H bắt đầu dịch vụ kinh doanh của mình theo đúng nội dung kinh doanh đã ký kết. Đến ngày 06/07/2020, do không còn nhu cầu làm nhà ở và kinh doanh, H đã lập giấy ủy quyền thuê nhà nghỉ X lại cho Phạm Thanh T với sự chứng kiến của chủ nhà là bà Nguyễn Thúy P. Sau khi tiếp nhận lại nhà nghỉ, T bắt đầu hoạt động dịch vụ kinh doanh lưu trú. Đến khoảng đầu tháng 12/2020, có 02 người phụ nữ là La Thị H và Lò Thị Xuân T3 đến tìm gặp T và xin vào làm gái bán dâm tại nhà nghỉ. Do muốn kiếm thêm thu nhập, T đã đồng ý, đồng thời thống nhất với H và T3 như sau: T nhận H và T3 vào làm gái bán dâm tại nhà nghỉ do T trực tiếp quản lý, điều hành việc mua bán dâm của H và T3 chịu mọi chi phí sinh hoạt, ăn ở và các phí sinh hoạt khác của H và T3 khi làm tại nhà nghỉ; đối với việc mua bán dâm, nếu có khách đến mua dâm, T đứng ra thu 250.000đ (*hai trăm năm mươi nghìn đồng*) mỗi lần, sau đó chia lại cho H hoặc T3 130.000đ (*một trăm ba mươi nghìn đồng*), số tiền 120.000đ (*một trăm hai mươi nghìn đồng*) còn lại T giữ. Sau khi thỏa thuận giao dịch tiền với khách, T sẽ bảo H hoặc T3 lên các phòng nghỉ tại nhà nghỉ để quan hệ tình dục (bán dâm) với khách mua dâm. Đến khoảng giữa tháng 12/2020, Vũ Văn T1 là người yêu của Lò Thị Xuân T3 đến nhà nghỉ X để chơi với T3. Sau đó, T1 xin T ở lại nhà nghỉ và được T đồng ý, do không có công

ăn việc làm ổn định nên trong thời gian ở tại nhà nghỉ, T1 ở cùng phòng với T3 và được T lo cho mọi việc ăn ở chi tiêu sinh hoạt, còn T1 sẽ giúp T trong việc giao dịch thu tiền khi có khách đến mua dâm, đồng thời bố trí gái bán dâm là H hoặc T3 lên các phòng nghỉ để bán dâm cho khách những khi T đi vắng.

Khoảng 21 giờ 15 phút tối ngày 02/01/2021, khi T, T1, H và T3 đang ở tại nhà nghỉ thì có Hoàng Văn S một mình đi đến nhà nghỉ X, S đi vào đến hiên nhà gặp T1 và hỏi "*có hàng không anh?*" (ý S hỏi có gái bán dâm không), T1 hiểu S muốn quan hệ tình dục với gái bán dâm nên trả lời "*có nhân viên thôi*", sau đó T bảo T1 dẫn S lên tầng 2 để lấy phòng, khi lên đến sảnh tầng 2, T1 đứng chỉ cho S đi vào phòng 201 chờ gái bán dâm lên, lúc này S hỏi T1 "*bao nhiêu tiền?*", T1 trả lời "*hai trăm năm mươi nghìn*", S đồng ý rồi đưa cho T1 250.000đ (*hai trăm năm mươi nghìn đồng*). T1 cầm tiền đi xuống tầng 1, khi xuống gần đến nơi, T1 đứng ở cầu thang gọi H lúc đó đang ngồi ở giường của phòng khách và nói "*chị lên phòng 201 làm*", ý T1 nói H lên phòng 201 để bán dâm cho S, thấy H vẫn chưa lên, T tiếp tục bảo H đi lên phòng 201 để quan hệ tình dục với khách, còn T1 đi xuống phòng khách đưa lại số tiền thu của S cho T, sau đó T1 đi ra ngoài sân ngồi sưởi lửa cùng với Lò Thị Xuân T3, còn T ở lại trong phòng khách.

Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, Phụng Chòi V đi một mình đến nhà nghỉ X để tìm gái bán dâm. Khi vào đến sân nhà, V nhìn thấy T1 và T3 đang ngồi sưởi lửa ngoài sân cách vị trí V khoảng 5m. Nhìn thấy có khách đến, T đi ra ngoài chỗ cửa ra vào gặp V, lúc này V hỏi T "*có gái không anh?*", T hiểu ý của V muốn tìm gái để quan hệ tình dục nên trả lời "*có*", sau đó T dẫn V đi vào trong phòng khách, T thu của V 250.000đ (*hai trăm năm mươi nghìn đồng*), V đưa cho T tờ tiền mệnh giá 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*), T lấy số tiền 250.000đ (*hai trăm năm mươi nghìn đồng*) mà T1 thu của S lúc trước để trả lại tiền thừa cho V, sau đó chỉ cho V đi lên phòng 204 để chờ rồi T đi ra ngoài sân đến chỗ vị trí T1 và T3 đang ngồi sưởi lửa bảo T3 "*lên phòng 204 để làm*" (ý T nói T3 lên phòng 204 để quan hệ tình dục với V), lúc này T1 có mặt ở đó và biết T3 đi lên phòng để bán dâm cho khách, tuy nhiên do đó là công việc hàng ngày của T3 nên T1 không ngăn cản. Sau khi T3 đi, T và T1 ngồi nói chuyện với nhau. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì bị tổ công tác của Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Quang đến kiểm tra, phát hiện và lập biên bản bắt quả tang về hành vi chứa mại dâm. Quá trình lập biên bản, Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Quang đã tiến hành thu giữ 02 bao cao su đã qua sử dụng tại các phòng 201, 204, số tiền 750.000 đồng, trong đó có 250.000 đồng của Phụng Chòi V và 500.000 đồng của Phạm Thanh T và một số tài liệu giấy tờ.

Ngày 07/01/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Quang ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 04, trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang giám định đối với số tiền 750.000đ (*bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) gồm 03 tờ tiền có các mệnh giá 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*), 50.000đ (*năm mươi nghìn đồng*), 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*) có phải là tiền thật không.

Ngày 11/01/2021, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang ban hành kết luận giám định số 43, kết luận: 03 tờ tiền có các mệnh giá 200.000đ (*hai trăm*

ngàn đồng), 50.000đ (năm mươi ngàn đồng), 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) đều là tiền thật.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Thanh T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đồng thời T khai nhận, ngoài hành vi chứa mại dâm bị bắt quả tang ngày 02/01/2021, trước đó T1 đã nhiều lần giúp T sắp xếp phòng và bố trí gái bán dâm lên quan hệ tình dục với khách mua dâm, số lần cụ thể T không nhớ do T không ghi chép vào sổ sách, trong đó lần gần nhất là ngày 01/01/2021, khi có khách đến mua dâm, T1 đã gọi điện cho T, sau đó T1 sắp xếp phòng cho khách và gọi H lên bán dâm cho khách, T1 thu của khách số tiền 250.000 đồng, sau đó T về T1 đưa lại số tiền trên cho T và T đã sử dụng chi tiêu vào việc cá nhân.

Ngoài lời khai của T, La Thị H cũng khẳng định trong khoảng thời gian từ giữa tháng 12/2020 đến ngày 02/01/2021 T1 đã nhiều lần bố trí, sắp xếp cho H lên bán dâm cho khách mua dâm là nam giới tại các phòng của nhà nghỉ do những lần đó T đi vắng, trong đó lần gần nhất T1 bảo H lên tiếp khách mua dâm là vào ngày khoảng 01/01/2021, do không để ý thời gian nên H không nhớ được cụ thể những lần trước đó.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Quang đã tiến hành cho Vũ Văn T1 đối chất với Phạm Thanh T và gái bán dâm La Thị H. Tại các buổi đối chất, T và H vẫn giữ nguyên lời khai trước và khẳng định ngoài lần bị bắt quả tang vào ngày 02/01/2021, T1 đã nhiều lần giúp T sắp xếp và bố trí H lên phòng bán dâm cho khách nhiều lần tại các phòng của nhà nghỉ. Tuy nhiên T1 chỉ thừa nhận ngoài lần bị bắt quả tang vào 02/01/2021 thì T1 giúp T sắp xếp và bố trí gái bán dâm La Thị H lên phòng bán dâm cho khách mua dâm vào ngày 01/01/2021, ngoài hai lần trên, T1 không được giúp T sắp xếp và bố trí gái bán dâm cho khách mua dâm thêm lần nào khác. Do đó chỉ có đủ căn cứ để xử lý T1 về hành vi chứa mại dâm vào hai ngày 01/01/2021 và 02/01/2021.

Với hành vi trên, tại Cáo trạng số 33/CT-VKSBQ ngày 10/6/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã truy tố các bị cáo Phạm Thanh T, Vũ Văn T1 về tội "*Chứa mại dâm*" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 của Bộ luật Hình sự.

Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Phạm Thanh T, Vũ Văn T1 về tội "*Chứa mại dâm*".

Về Điều luật áp dụng và mức hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 327, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thanh T từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt giữ (ngày 02/01/2021); áp dụng điểm c khoản 2 Điều 327, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Văn T1 từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt giữ (ngày 02/01/2021). Bị cáo T phải chịu án phí theo quy định, Bị cáo T1 được miễn án phí theo quy định.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị, nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Phạm Thanh T, Vũ Văn T1 thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, nhất trí với bản luận tội của Kiểm sát viên và lời nói sau cùng của các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên của huyện Bắc Quang trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, nhưng trước đó đã có lời khai tại giai đoạn điều tra và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của các bị cáo Phạm Thanh T và Vũ Văn T1 tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét khẩn cấp, biên bản đối chất, biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, kết luận giám định, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, biên bản nhận dạng, bản ảnh nhận dạng, lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, đã có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 21 giờ 15 phút ngày 02/01/2021, tại nhà nghỉ X Phạm Thanh T có hành vi chứa chấp 02 đôi mua bán dâm tại các phòng 201, 204 của nhà nghỉ. Quá trình xảy ra sự việc, Vũ Văn T1 đã giúp sức cho Phạm Thanh T thực hiện hành vi phạm tội, mặc dù T1 chỉ được dẫn khách lên phòng 1 lần, nhưng toàn bộ quá trình chứa chấp 02 đôi mại dâm T1 đều biết và đều chứng kiến. Ngoài hành vi phạm tội ngày 02/01/2021, T1 đã giúp T sắp xếp khách mua dâm và gái bán dâm quan hệ tình dục vào ngày 01/01/2021 và đều được hưởng lợi từ quá trình kinh doanh hoạt động mại dâm của Phạm Thanh T bằng việc được T nuôi ăn ở và chu cấp việc chi tiêu sinh hoạt hàng ngày bằng số tiền có được từ việc kinh doanh hoạt động mại dâm. Quá trình ở tại nhà nghỉ, T1 biết mọi hoạt động mua bán dâm nhưng không báo chính

quyền địa phương mà còn giúp sức cho T trong việc dẫn gái cho khách và thu tiền của khách mua dâm đưa cho T.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến đạo đức, nếp sống văn minh, thuần phong, mỹ tục, đời sống văn hoá, trật tự trị an xã hội là khách thể quan trọng được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Đây là một trong những nguyên nhân làm lây truyền các bệnh xã hội, làm ảnh hưởng đến đời sống tinh thần, ảnh hưởng đến sức khoẻ của con người, các bị cáo đã để cho La Thị H và Lò Thị Xuân T3 bán dâm cho khách rồi thu tiền của khách để phục vụ chi tiêu sinh hoạt hàng ngày, nên hành vi của các bị cáo đã phạm tội: “Chứa mại dâm” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng số 33/CT-VKSQB ngày 10/6/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo Phạm Thanh T và Vũ Văn T1 là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp lý.

[5] Điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự quy định.

... 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

c) Phạm tội 02 lần trở lên;

[6] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo: Trong vụ án này các bị cáo cùng cố ý thực hiện một tội phạm, nhưng không có sự bàn bạc, thống nhất, nên thuộc vụ án đồng phạm giản đơn. Bị cáo T là người thực hiện hành vi phạm tội và bị cáo T1 là người giúp sức cho bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội, nên vai trò của bị cáo T là cao hơn bị cáo T1 trong vụ án.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo: Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng và nhân thân chưa có tiền án tiền sự; đối với bị cáo T1, ngày 06/09/2019 bị TAND thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang xử phạt 18 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy đến ngày 13/06/2020 chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này phạm tội thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS và có nhân thân xấu, cụ thể: Ngày 27/9/2013 bị TAND huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 30 tháng tù về tội Cướp tài sản (đã được xóa án tích), ngày 13/01/2021 bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang khởi tố về hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản xảy ra ngày 21/09/2020.

[8] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt đối với các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, ngoài ra trước khi mở phiên tòa bị cáo T đã có tác động đến gia đình và gia đình bị cáo T đã tự nguyện nộp thay cho bị cáo T số tiền thu lợi bất chính 250.000 đồng nên bị cáo T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử cũng xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, mà cải tạo mình cho tốt. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần

cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục, cũng như đáp ứng yêu cầu đấu tranh, răn đe và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[9] Về mức hình phạt với các bị cáo: Trong vụ án này bị cáo T là người thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T1 là người giúp sức cho bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội, lẽ ra bị cáo T phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo T1. Tuy nhiên, xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng, bị cáo T không có tình tiết tăng nặng, có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS và chưa có tiền án tiền sự; bị cáo T1 có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS, có 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS, nhân thân xấu. Do vậy mức hình phạt bị cáo T1 và T là như nhau.

[10] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[11] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xử lý như sau:

[12] Đối với 02 bao cao su đã qua sử dụng tại các phòng 201, 204. Xét thấy không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy; đối với số tiền 500.000 đồng thu giữ của Phạm Thanh T nằm trong tổng số tiền 750.000 đồng hiện đang lưu giữ tại tài khoản số 3949.0.1047740 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, biên lai thu tiền số 04006 ngày 22/7/2021. Xét thấy đây là vật chứng bị cáo dùng vào việc phạm tội, hoặc có liên quan đến tội phạm nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[13] Truy thu của bị cáo Phạm Thanh T số tiền 250.000 đồng thu lợi bất chính từ việc phạm tội, để nộp ngân sách Nhà nước. Ngày 27/7/2021 người thân của bị cáo là Trần Thị T2 đã nộp số tiền trên theo biên lai thu tiền số 03989 của Cục thi hành án Dân sự huyện Bắc Quang.

[14] Đối với số tiền 250.000 đồng đã thu giữ của Phụng Chòi V. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tiền của cá nhân của Phụng Chòi V, không liên quan đến hành vi phạm tội cần được trả lại cho Phụng Chòi V.

[15] Đối với 01 hợp đồng thuê nhà ở thương mại số 198/HĐTNOTM lập ngày 03/12/2019; 01 Hợp đồng ủy quyền lập ngày 04/12/2019; 01 giấy ủy quyền lập ngày 07/07/2020; 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; 01 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 10J800000401 do Phòng Tài chính kế hoạch huyện Bắc Quang cấp ngày 03/03/2011 (*bản sao*); 01 giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự do Công an huyện Bắc Quang cấp ngày 23/12/2019 cấp cho nhà nghỉ X (*Bản sao*). Hiện những giấy tờ nói trên đang được lưu giữ trong hồ sơ là phù hợp.

[16] Đối với quan điểm của người bào chữa cho bị cáo T1, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 327, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, tuyên bị cáo 05 năm tù là không có cơ sở. Bởi lẽ bị cáo phạm tội là rất nghiêm trọng, bản thân bị cáo không chấp hành quy định của pháp luật, bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của

BLHS và có nhân thân xấu. Như vậy bị cáo đã bị xử lý nhiều lần về mặt hình sự, nhưng vẫn tiếp tục phạm tội chứa mại dâm, thể hiện thái độ coi thường pháp luật. Do vậy người bào chữa cho bị cáo đề nghị mức án đối với bị cáo từ 05 năm tù là chưa tương xứng với hành vi phạm tội và không đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và chưa đủ tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo. Do đó, mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa đối với bị cáo là phù hợp.

[17] Trong vụ án này: Đối với Đào Tuấn H, sau khi không có nhu cầu kinh doanh tại nhà nghỉ X, H đã lập giấy ủy quyền lại cho T tiếp tục kinh doanh theo hợp đồng thuê nhà đã ký kết giữa H và chủ nhà. Quá trình T kinh doanh có hành vi chứa chấp mại dâm, H không biết cũng không được T trao đổi gì, không được hưởng lợi gì từ việc chứa chấp mại dâm, nên không xem xét xử lý.

[18] Đối với chủ nhà Nguyễn Thúy P, quá trình hoạt động kinh doanh nhà nghỉ đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động kinh doanh và các giấy tờ liên quan phục vụ cho việc kinh doanh. Việc H thuê nhà nghỉ của bà P để kinh doanh sau đó chuyển giao lại cho T tiếp tục hoạt động kinh doanh đều được bà P nhất trí. Tuy nhiên việc T kinh doanh hoạt động mại dâm tại nhà nghỉ của mình bà P không được biết và cũng không được T trao đổi gì, nên không xem xét xử lý.

[19] Đối với việc nhà nghỉ X vi phạm về hoạt động kinh doanh, ngày 29/04/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Quang đã có văn bản đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[20] Đối với các đối tượng mua bán dâm gồm: Hoàng Văn S, Phụng Chòi V, La Thị H, Lò Thị Xuân T3. Tại giai đoạn điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang đã xử lý vi phạm hành chính.

[21] Về án phí: Bị cáo Vũ Văn T1 thuộc hộ cận nghèo và có đơn xin miễn án phí, nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Phạm Thanh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 327, Điều 17, điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Phạm Thanh T;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 327, Điều 17, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Vũ Văn T1;

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106, Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Thanh T, Vũ Văn T1 phạm tội “Chứa Mại Dâm”.

2. Hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Phạm Thanh T và bị cáo Vũ Văn T1 mỗi bị cáo 05 năm 06 tháng tù về tội “Chứa mại dâm”, thời hạn tù tính từ ngày các bị cáo bị bắt giữ (ngày 02/01/2021).

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) của bị cáo Phạm Thanh T và trả lại số tiền 250.000 cho Phụng Chòi Và nằm trong tổng số tiền 750.000 đồng hiện đang lưu giữ tại tài khoản số 3949.0.1047740 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, biên lai thu tiền số 04006 ngày 22/7/2021;

Truy thu của bị cáo Phạm Thanh T số tiền 250.000 đồng thu lợi bất chính do phạm tội mà có (Người thân của bị cáo là Trần Thị T2 đã nộp thay số tiền trên cho bị cáo theo biên lai thu tiền số 03989 ngày 27/7/2021 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Bắc Quang);

Tịch thu tiêu hủy 02 bao cao su đã qua sử dụng tại các phòng 201, 204.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Công an huyện Bắc Quang và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang ngày 22/7/2021, biên lai thu tiền số 04006 ngày 22/7/2021, biên lai thu tiền số 03989 ngày 27/7/2021).

4. Về án phí: Bị cáo Phạm Thanh T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Vũ Văn T1 được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án sao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Hà giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Công an huyện Bắc Quang (02 bản);
- Chi cục THADS huyện;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh HG;
- Những người tham gia tố tụng;
- Bộ phận THA hình sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Hà Tuấn Vĩnh

